TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2022/DS-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**.
2. Bà **Võ Thị Điệp**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 371/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289a/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 297/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ngô Tuấn K - sinh năm 1985,
Địa chỉ: Tổ D, khóm A, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh K*:* Anh Trần Đình H - sinh năm 1989; Số 22, N, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 27/7/2022).

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn T - sinh năm 1992, ông Ngô Văn T1 - sinh năm 1972 và bà Phạm Kim D - sinh năm 1972; Cùng địa chỉ: Số B, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh H *có mặt; anh* T*, ông* T1 *và bà* D *vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại tại phiên tòa sơ thẩm, ông* Trần Đình H *là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:*

Ngày 10/02/2022, anh Ngô Văn T, ông Ngô Văn T1 (cha anh Thứ) và bà Phạm Kim D (mẹ anh T) có vay của anh K số tiền 1.930.000.000 đồng (một tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng), việc vay tiền có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay đến ngày 10/3/2022.

Ngày 07/3/2022, anh T, ông T1 và bà D trả được cho anh K số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), còn lại 1.750.000.000 đồng hẹn đến ngày 10/3/2022 sẽ trả đủ cùng với tiền lãi. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn hơn 4 tháng nhưng phía bị đơn vẫn chưa trả số tiền vay gốc 1.750.000.000 đồng và lãi suất như đã thỏa thuận mặc dù anh K đã nhiều lần nhắc nhở.

Nay anh K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Ngô Văn T, ông Ngô Văn T1 và bà Phạm Kim D phải có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền vay cho anh K với số tiền là 1.750.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng), anh K không yêu cầu tính lãi suất.

* Các bị đơn đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên tòa xét xử của Tòa án, riêng anh Ngô Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của các bị đơn.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm 01 tờ "Giấy mượn tiền" đề ngày 10/12/2022. Bị đơn không có ý kiến gì đối với chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền vay là 1.750.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do nơi cư trú bị đơn đều ở xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày 30/9/2022, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do (riêng anh Ngô Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt) và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng

thời cũng không có yêu cầu gì khác trong vụ án này, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn anh Ngô Tuấn K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Ngô Văn T, ông Ngô Văn T1 và bà Phạm Kim D có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền vay là 1.750.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất; Hội đồng xét xử xét thấy vào ngày 10/02/2022, giữa anh Ngô Tuấn K và anh Ngô Văn T có thỏa thuận vay tiền với nhau, số tiền thỏa thuận vay là 1.900.000.000 đồng, việc vay tiền đã được anh K chứng minh bằng tờ "Giấy mượn tiền" đề ngày 10/02/2022, đã thể hiện đúng như lời trình bày của anh K. Theo tờ "Giấy mượn tiền" ngày 10/02/2022, ông Ngô Văn T1 và bà Phạm Thị D1 đồng ý việc anh T vay số tiền 1.930.000.000 đồng của anh K và cam kết trong thời hạn 01 tháng sẽ trả lại.

[5] Đến thời hạn trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện trả nợ, tuy nhiên vào ngày 07/3/2022, bị đơn đã trả được cho anh K số tiền 180.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 1.750.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) đến nay bị đơn vẫn chưa trả.

[6] Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho các bị đơn được biết. Tuy nhiên, các bị đơn đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn nên đây được xem là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, do đó có cơ sở xác định hợp đồng vay giữa hai bên đương sự là có thật, nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả lại số tiền vay nêu trên là có căn cứ.

[7] Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định không yêu cầu lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[8] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Ngô Văn T, ông Ngô Văn T1 và bà Phạm Kim D có trách nhiệm liên đới trả lại cho anh Ngô Tuấn K số tiền vay là 1.750.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Tuấn K. Buộc anh Ngô Văn T, ông Ngô Văn T1 và bà Phạm Kim D có trách nhiệm liên đới trả lại cho anh Ngô Tuấn K số tiền vay là 1.750.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Anh Ngô Văn T, ông Ngô Văn T1 và bà Phạm Kim D có trách nhiệm liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 64.500.000 đồng (sáu mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

- Anh Ngô Tuấn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.250.000 đồng (ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009607 ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Trường Chinh